

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT

Ngày: 22/02/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Vĩnh Yên.**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Phương Đông**

Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Tú** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông **Nguyễn Đình Thắng**
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số : 255/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021 ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà PH, sinh năm 1972; Cư trú: X1, ấp Y1, xã Z1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông P, sinh năm 1975 và bà V, sinh năm 1977. Cùng cư trú: Số X2, ấp Y2, xã Z1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông P: bà V (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm

- Nguyên đơn Bà PH trình bày:

Bà PH đã cho Ông P và bà V vay nhiều lần với tổng số tiền là 2.000.000.000đ gốc, Bà V và Ông P đã trả được 750.000.000đ, còn nợ số tiền là 1.250.000.000đ đến

nay chưa trả. Tổng tiền lãi mà Ông P, Bà V đã trả cho Bà PH là: 330.000.000đồng. Cụ thể:

Lần 1, ngày 31/10/2018, Bà PH cho Ông P và bà V vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), có lập giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận: lãi 1,5%/tháng và thanh toán hàng tháng, không có tài sản đảm bảo tiền vay, thời hạn khi cần Bà PH báo trước 2 tháng, mục đích vay để làm ăn. Đến cuối tháng 02/2019, Ông P và Bà V trả cho Bà PH số tiền gốc là 750.000.000đồng và nợ lại 750.000.000 đồng.

Lần 2 : Vào tháng 4/2019, Ông P và Bà V vay số tiền 400.000.000đ, Bà V có xác nhận vay số tiền này vào phía sau giấy vay tiền lần 1 nhưng không ghi ngày tháng năm vay, không có người làm chứng, hai bên thỏa thuận: lãi 1,5%/tháng và thanh toán hàng tháng, không có tài sản đảm bảo tiền vay, thời hạn khi cần Bà PH báo trước 2 tháng, mục đích vay để làm ăn.

Lần 3 : Vào khoảng tháng 5/2019, Ông P và Bà V vay thêm số tiền 100.000.000đ, không viết giấy vay, không người làm chứng, mục đích vay để làm ăn, thời hạn 10 ngày trả gốc và lãi, Bà V tự nguyện trả lãi 200.000đ/ngày cho Bà PH (lãi 6%/tháng). Từ tháng 01/2020 hai bên thỏa thuận lãi là 1,5%/tháng.

Đến tháng 9/2019, Bà PH yêu cầu Ông P, Bà V phải trả số tiền nợ gốc là 1.250.000.000đ, Ông P, Bà V xin gia hạn nhiều lần và Bà PH chỉ đồng ý cho gia hạn đến tháng 3/2020 nhưng đến nay Ông P, Bà V vẫn chưa trả số tiền trên cho Bà PH. Tuy nhiên, vào tháng 01/2020, hai bên đối chiếu số tiền nợ và Ông P, Bà V ký lại giấy nhận nợ và thỏa thuận ghi ngày 31/10/2018 là ngày Ông P, Bà V vay tiền lần 1 của Bà PH. Giấy nợ cũ Bà PH đã giao lại cho Bà V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà V và Ông P đã trả cho Bà PH số tiền lãi đến hết tháng 02/2020 là 330.000.000 đồng đối với số tiền gốc 2.000.000.000đồng cụ thể:

- Khoản vay 1.500.000.000đồng, tiền lãi từ ngày 31/10/2018 đến ngày 28/02/2019: $1.500.000.000đ \times 1,5\% \times 4 \text{ tháng} = 90.000.000đ$ (1).
Tiền lãi từ ngày 01/3/2019 đến 29/2/2020: $750.000.000đ \times 1,5\% (11.250.000đ) \times 12 \text{ tháng} = 135.000.000đ$. (2)
- Khoản vay 400.000.000đồng, tiền lãi từ tháng 4/2019 đến 29/02/2020 là 10 tháng: $400.000.000đ \times 1,5\% \times 10 \text{ tháng} = 60.000.000đ$ (3).
- Khoản vay 100.000.000đồng từ cuối tháng 5/2019 đến cuối tháng 12/2019 là 7 tháng: $100.000.000đ \times 6\% \times 7 \text{ tháng} = 42.000.000đ$ (4); từ tháng 01/2020 đến hết tháng 02/2020 là $100.000.000đ \times 1,5\% \times 02 \text{ tháng} = 3.000.000đ$ (5).

Tổng (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 330.000.000 đồng [trong đó có 285.000.000đồng (330.000.000 đồng – 45.000.000 đồng) tiền lãi của số tiền gốc 1.250.000.000đồng].

Tại phiên tòa, Bà PH đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá vào số tiền gốc là 100.000.000đồng cho bị đơn, Bà PH chỉ yêu cầu Ông P và Bà V liên đới trả cho bà số tiền gốc là 1.150.000.000đ.

Đối với số tiền gốc 750.000.000đồng và lãi 45.000.000 đồng Bà V và Ông P đã trả xong nên Bà PH không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn Ông P và bà V trình bày:

Bà PH đã cho Ông P và bà V vay nhiều lần với tổng số tiền còn nợ là 1.250.000.000đồng, cụ thể:

Lần 1, khoảng tháng 7/2016, Bà PH cho Ông P và Bà V vay số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), không lập giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận: lãi 9%/tháng và thanh toán lãi 10 ngày 01 lần, không có tài sản đảm bảo tiền vay, thời hạn khi cần Bà PH báo trước 2 tháng, mục đích vay để làm ăn lo cho gia đình.

Lần 2, khoảng tháng 7/2016, Bà PH đã cho Ông P và Bà V vay số tiền 900.000.000đồng (chín trăm triệu đồng), có lập giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận: lãi 4,5%/tháng và thanh toán lãi hàng tháng, không có tài sản đảm bảo tiền vay, thời hạn khi cần Bà PH báo trước 2 tháng, mục đích vay để làm ăn lo cho gia đình.

Vào tháng 02/2020, Bà PH yêu cầu Ông P và Bà V viết lại giấy vay tiền và ghi ngày 31/10/2018 với số tiền gốc là 1.250.000.000đồng nhằm che dấu các hợp đồng vay tháng 7/2016; Bà PH đã giao lại giấy nợ cũ cho Bà V quản lý.

Ông P và Bà V đã trả đủ tiền lãi cho Bà PH từ tháng 7/2016 đến tháng 02/2020 là 32 tháng, cụ thể:

Khoản vay 300.000.000đồng x 9% x 32 tháng = 864.000.000đồng.

Khoản vay 900.000.000đồng x 4,5% x 32 tháng = 1.296.000.000đồng.

Tổng cộng 2.160.000.000 đồng.

Từ tháng 3/2020 đến nay bị đơn chưa trả số tiền gốc và lãi.

Tại phiên tòa, Bà V khẳng định còn nợ số tiền 1.250.000.000đồng và đã trả lãi cho Bà PH khoảng 03 tỷ đồng.

Nay đề nghị Bà PH khấu trừ số tiền lãi vào số tiền gốc theo quy định pháp luật.

- Tại bản án số: 17/2020/DS-ST ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà PH đối với Ông P và bà V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc Ông P và bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà PH số tiền 1.150.000.000đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), phần nghĩa vụ liên đới nêu trên của Ông P và Bà V là bằng nhau.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2020 bị đơn bà V kháng cáo toàn bộ bản án số: 17/2020/DS-ST ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm nêu trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo của Bà V: Xét căn cứ giấy hợp đồng vay tiền ngày 31/10/2018 (BL29) thể hiện, Bà PH cho vợ chồng Ông P, Bà V vay số tiền 1.250.000.000 hai bên có ký nhận, ngoài ra tại các lời khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng Bà V, Ông P đều đã thừa nhận hiện còn nợ Bà PH số tiền gốc 1.250.000.000đ (BL 111, 112). Việc vợ chồng Bà V khai đã trả cho Bà PH tiền lãi là 03 tỷ và yêu cầu khấu trừ vào số tiền gốc, khi trả có ghi chép vào trong một cuốn sổ và do Bà PH cất giữ, ngoài ra vợ chồng Bà V, Ông P không có tài liệu chứng cứ để chứng minh vấn đề này, còn về phía Bà PH chỉ thừa nhận, vợ chồng Bà V, Ông P đã trả tiền lãi được tổng cộng 330.000.000 đồng và không có cuốn sổ nào ghi chép việc vay tiền và trả tiền lãi như vợ chồng Bà V trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Ông P và bà V làm trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của bị đơn Bà V: Cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những chứng cứ và chưa xem xét đánh giá chứng cứ khách quan theo đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm nêu trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét giải quyết vụ án trên đúng theo quy định của pháp luật theo trình tự phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Xét kháng cáo của bị đơn, tại phiên tòa Bà V thừa nhận bà có vay số tiền 1.250.000.000đ của Bà PH, chữ ký chữ viết tại biên nhận giấy nhận nợ là do vợ chồng bà ký. Bà V cho rằng có 02 lần vay nóng một lần 300.000.000đ và một lần 900 triệu và số tiền vay nóng cứ 10 ngày Bà V trả lãi một lần được thể hiện trong tin nhắn điện thoại mà bà đã nộp tại cấp sơ thẩm. Nhận thấy lời trình bày của Bà V không có cơ sở, bởi vì căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì các văn bản thể hiện tin nhắn trên điện thoại không trùng khớp với năm vay và số lần trả lãi như bà trình bày cho nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu của Bà V cần trừ số tiền trả lãi cao vào số nợ gốc. Đồng thời Bà V trình bày có sổ viết tay thể hiện vay trả mỗi lần nhưng Bà V không cung cấp được và bà cho rằng Bà PH là người đang cất giữ sổ viết tay, tuy nhiên tại phiên tòa Bà PH không thừa nhận bà đang cất giữ sổ viết tay có nội dung vay trả mà Bà PH chỉ căn cứ vào giấy nhận nợ cung cấp cho Tòa là bằng chứng duy nhất để yêu cầu Bà V, Ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Từ đó, có thể khẳng định việc vợ chồng Bà V khai đã trả cho Bà PH tiền lãi 03 tỷ đồng là không căn cứ không phù hợp với tình tiết khách quan vụ án. Tại phiên tòa Bà V không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới, Bà V kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Căn cứ vào giấy vay

nhận nợ được Bà V thừa nhận như đã phân tích ở trên thì việc Bà V, Ông P có vay tiền của Bà PH số tiền 1.250.000.000đ và Bà V chưa trả cho Bà PH là có thật. Chính vì vậy, cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn Bà V Ông P phải trả cho nguyên đơn Bà PH số tiền là 1.150.000.000đ phù hợp với tình tiết khách quan vụ án có, đúng quy định của pháp luật.

Do đó kháng cáo của bị đơn Bà V không được chấp nhận; Giữ nguyên bản án số: 17/2020/DS-ST ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Bà V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005655 ngày 26/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông P và bà V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 144, 147, 220, 228, 266, 267 BLTTDS 2015

Áp dụng Điều 463 BLDS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà PH đối với bị đơn Ông P và bà V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Ông P và bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà PH số tiền 1.150.000.000đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), phần nghĩa vụ liên đới nêu trên của Ông P và Bà V là bằng nhau.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng Bà V được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005655 ngày 26/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P và bà V phải liên đới chịu 46.500.000đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà PH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Bà PH số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 25.020.000 đồng (hai mươi năm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007125 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày Bà PH có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên, nếu Ông P và bà V chậm trả tiền thì hàng tháng Bà V và Ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên

Ghi bổ sung: Tại phiên tòa Bà V thừa nhận có vay số tiền 1.250.000.000 đ của Bà PH, chữ ký chữ viết tại biên nhận giấy nhận nợ là do vợ chồng bà ký tự nguyện. Bà V cho rằng có 02 lần vay nóng một lần 300tr và một lần 900 triệu và số tiền vay nóng cứ 10 ngày Bà V trả lãi một lần được thể hiện trong tin nhắn và số tiền trả lãi cao nên yêu cầu xem xét lại phần lãi và được khấu trừ vào số nợ gốc như

vậy Bà V không còn nợ. Xét kháng cáo của Bà V, tại phiên tòa bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình, bà có trình bày Bà PH đang nắm giữ sổ viết tay trong đó có nội dung vay trả mỗi lần nhưng Bà PH không cung cấp. Xét lời trình bày của Bà V không có cơ sở vì trong hồ sơ cũng như Bà V, Bà PH đều không cung cấp được sổ viết tay thể hiện nhận nợ, trả nợ và Bà PH cũng không thừa nhận có sổ viết tay.